

Nhập học đại học dành cho sinh viên nước ngoài  
năm 2027

Cẩm nang tuyển sinh hệ  
đại học nhập học mới và  
hệ chuyển tiếp.



**PAI CHAI UNIVERSITY**

## <Mục lục>

|                                                                            |    |
|----------------------------------------------------------------------------|----|
| 1. Lịch trình tuyển sinh & nội dung .....                                  | 1  |
| a. Kỳ xuân .....                                                           | 1  |
| • Tuyển sinh lần 1 .....                                                   | 1  |
| • Tuyển sinh lần 2 .....                                                   | 1  |
| • Tuyển sinh tập 3 .....                                                   | 1  |
| b. Chú ý .....                                                             | 2  |
| 2. Ngành tuyển sinh & số lượng .....                                       | 3  |
| a. Ngành và số lượng tuyển sinh dành cho sinh viên mới .....               | 3  |
| b. Ngành và số lượng tuyển sinh dành cho sinh viên chuyển tiếp năm 2 ..... | 4  |
| c. Ngành và số lượng tuyển sinh dành cho sinh viên chuyển tiếp năm 3 ..... | 5  |
| d. Ngành và số lượng tuyển sinh dành cho sinh viên chuyển tiếp năm 4 ..... | 6  |
| 3. Điều kiện ứng tuyển & giấy tờ cần thiết .....                           | 7  |
| a. Điều kiện ứng tuyển .....                                               | 7  |
| b. Hồ sơ cần nộp .....                                                     | 8  |
| 4. Phương pháp sàng lọc và tuyển chọn .....                                | 9  |
| a. Phương pháp sàng lọc .....                                              | 9  |
| b. Phương pháp tuyển chọn .....                                            | 9  |
| 5. Lệ phí và ghi chú .....                                                 | 9  |
| a. Lệ phí đăng ký .....                                                    | 9  |
| b. Chú ý .....                                                             | 9  |
| c. Cách điền đơn nhập học .....                                            | 10 |

## <Mẫu>

|                                                                                                              |    |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| – Đơn đăng ký xét tuyển dành cho học sinh đại học nhập học mới, có bố mẹ là người nước ngoài .....           | 11 |
| – Đơn đăng ký xét tuyển dành cho học sinh đại học hệ chuyển tiếp, có bố mẹ là người nước ngoài .....         | 12 |
| – Thư chấp thuận nhập học chuyển tiếp đặc biệt cho sinh viên chuyển tiếp, có bố mẹ là người nước ngoài ..... | 13 |

# 1. Lịch tuyển sinh và nội dung chính:

## a. Kỳ xuân

### 1) Tuyển sinh lần 1

| Phân loại               | Lịch trình tiến hành                     | Nội dung chính                                     |
|-------------------------|------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| Nhận đơn đăng ký        | 21.10.2026(T4) ~ 17:00, 28.10.2026 (T4)  | - Tiếp nhận đơn online (U-way)                     |
| Nộp hồ sơ<br>(Bản giấy) | 21.10.2026 (T4) ~ 17:00, 29.10.2026 (T5) | - Tiếp nhận qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp. |
| Kết quả trúng tuyển     | 10.11.2026 (T3)                          | - Thông báo riêng đến từng cá nhân                 |
| Thời hạn nộp học phí    | 12.11.2026(T5) ~ 17.11.2026 (T3)         | - Tài khoản ngân hàng kookmin được chỉ định        |

### 2) Tuyển sinh lần 2

| Phân loại               | Lịch trình tiến hành                    | Nội dung chính                                     |
|-------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------------|
| Nhận đơn đăng ký        | 23.11.2026(T3) ~ 17:00, 27.11.2026 (T6) | - Tiếp nhận đơn online (U-way)                     |
| Nộp hồ sơ<br>(Bản giấy) | 23.11.2026 (T2) ~ 17:00, 30.11.2026 (2) | - Tiếp nhận qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp. |
| Kết quả trúng tuyển     | 8.12.2026 (T3)                          | - Thông báo riêng đến từng cá nhân                 |
| Thời hạn nộp học phí    | 10.12.2026 (T5) ~ 15.12.2026 (T3)       | - Tài khoản ngân hàng kookmin được chỉ định        |

### 3) Tuyển sinh lần 3

| Phân loại               | Lịch trình tiến hành                    | Nội dung chính                                     |
|-------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------------|
| Nhận đơn đăng ký        | 21.12.2026(T2) ~ 17:00, 30.12.2026 (T4) | - Tiếp nhận đơn online (U-way)                     |
| Nộp hồ sơ<br>(Bản giấy) | 21.12.2026 (T2) ~17:00, 04.01.2027 (T2) | - Tiếp nhận qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp. |
| Kết quả trúng tuyển     | 12.01.2027 (T3)                         | - Thông báo riêng đến từng cá nhân                 |
| Thời hạn nộp học phí    | 14.01.2027 (T5) ~ 19.01.2027 (T3)       | - Tài khoản ngân hàng kookmin được chỉ định        |

※ Việc đánh giá tư cách ứng tuyển được tiến hành toàn diện ở từng giai đoạn sàng lọc, chẳng hạn như trình độ ứng tuyển cơ bản và điều tra lý lịch học vấn, và kết quả sàng lọc không được công bố.

※ Chỉ những học sinh được xác định là có vấn đề trong quá trình sàng lọc mới được liên hệ riêng.

## b. Chú ý

- 1) Đơn đăng ký chỉ được chấp nhận đăng ký trực tuyến.
- 2) Nếu khó xác minh tính thật giả chỉ với các tài liệu do người ứng tuyển nộp, thì có thể yêu cầu các tài liệu bổ sung.
- 3) Các tài liệu đã nộp và lệ phí nộp đơn sẽ không được hoàn trả.
- 4) Đơn vị tuyển sinh của trường chỉ được đăng ký một khoa (khoa).
- 5) Nếu được xác nhận rằng bạn đã vào trường bằng các phương tiện gian lận hoặc lừa đảo, việc nhập học của bạn sẽ bị hủy bỏ ngay cả khi bạn vẫn đang theo học.
- 6) Việc hoàn trả học phí được thực hiện theo quy định của nhà trường.
- 7) Đối với tuyển sinh đại học, ngành tuyển sinh được tuyển chọn trong quá trình tuyển sinh theo quy định của nhà trường.
- 8) Khoa Giáo dục mầm non, Khoa Kiến trúc và Khoa Điều dưỡng không tuyển sinh.
- 9) Sinh viên quốc tế được đăng ký bảo hiểm y tế với tư cách là thành viên địa phương của Bảo hiểm Y tế Quốc dân.

### ※【Cách nộp hồ sơ】

▶ Đến trực tiếp nộp hoặc gửi đến địa chỉ:

(35345) 대전광역시 서구 배재로 155-40(도마동) 배재대학교 백산관 4층 B411호 국제교류처  
국제학생교류팀

- English Address: B411 International Exchange Team, 4th floor, Baeksan Hall, Pai Chai University, 155-40 Baejae-ro, Seo-gu, Daejeon (Doma-dong)

## 2. Ngành tuyển sinh và số lượng

### a. Ngành và số lượng tuyển sinh dành cho sinh viên mới

| Năm học 2027                           |                                                     |                                                                 |                                           |
|----------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|
| Khởi                                   | Khoa (ngành) và chuyên ngành (đơn vị tuyển sinh)    |                                                                 | Số lượng                                  |
| Khoa học Xã hội và Nhân văn            | Khoa Ngôn ngữ Văn học và Giáo dục Ngôn ngữ Hàn Quốc |                                                                 |                                           |
|                                        | Khoa tiếng Nhật                                     |                                                                 |                                           |
|                                        | Khoa Pháp luật Cảnh sát                             | Ngành cảnh sát học                                              |                                           |
|                                        |                                                     | Ngành luật học                                                  |                                           |
|                                        | Khoa Hành chính công                                |                                                                 |                                           |
|                                        | Khoa tư vấn tâm lý                                  |                                                                 |                                           |
|                                        | Khoa Quản trị kinh doanh                            |                                                                 |                                           |
|                                        | Khoa Quản trị và Thông tin IT                       |                                                                 |                                           |
|                                        | Khoa Thương mại quốc tế                             |                                                                 |                                           |
|                                        | Khoa Quản trị Du lịch                               |                                                                 |                                           |
|                                        | Khoa quản lý hàng không khách sạn                   |                                                                 |                                           |
|                                        | khoa Dịch vụ Hàng không                             |                                                                 |                                           |
| Khoa học Tự nhiên                      | Khoa Thời trang và May mặc                          |                                                                 | Không giới hạn                            |
|                                        | Khoa Dinh dưỡng và Thực phẩm                        |                                                                 |                                           |
|                                        | Khoa Ẩm thực & Nấu ăn                               |                                                                 |                                           |
|                                        | Khoa Lâm vườn & Lâm nghiệp                          |                                                                 |                                           |
|                                        | Khoa Phúc lợi & Y tế cộng đồng                      |                                                                 |                                           |
| Kỹ thuật                               | Khoa Công nghệ Sinh học                             |                                                                 |                                           |
|                                        | Khoa Kỹ thuật Phần mềm AI                           | Ngành Kỹ thuật Máy tính                                         |                                           |
|                                        |                                                     | Ngành Khoa học Phần mềm                                         |                                           |
|                                        |                                                     | Ngành An toàn Thông tin                                         |                                           |
|                                        |                                                     | Ngành Kỹ thuật Game                                             |                                           |
|                                        |                                                     | Ngành Trí tuệ Nhân tạo                                          |                                           |
|                                        | Khoa Kỹ thuật AI Vật lý                             | Ngành Kỹ thuật Drone và Robot                                   |                                           |
|                                        |                                                     | Ngành Điện tử Tích hợp AI                                       |                                           |
|                                        | Khoa Kỹ thuật Điện                                  |                                                                 |                                           |
|                                        | Khoa Kỹ thuật Xây dựng Đường sắt                    |                                                                 |                                           |
| Khoa Pin Thông minh                    |                                                     |                                                                 |                                           |
| Khoa Kiến trúc Nội thất                |                                                     |                                                                 |                                           |
| Khoa Kiến trúc Cảnh quan               |                                                     |                                                                 |                                           |
| Năng khiếu nghệ thuật và Thể thao      | Khoa Phục hồi Chức năng & Phúc lợi Thể thao         |                                                                 |                                           |
|                                        | Khoa Nghệ thuật & Webtoon                           | Ngành Nghệ thuật & Webtoon                                      |                                           |
|                                        |                                                     | Ngành Hoạt hình Game                                            |                                           |
|                                        | Khoa Thiết kế                                       | Ngành Thiết kế Truyền thông                                     |                                           |
|                                        |                                                     | Ngành Thiết kế Công nghiệp                                      |                                           |
|                                        | Khoa Quảng cáo, Nhiếp ảnh & Truyền hình             |                                                                 |                                           |
|                                        | Khoa Chăm sóc Sắc đẹp                               |                                                                 |                                           |
|                                        | Khoa Nghệ thuật Biểu diễn                           | Ngành Âm nhạc Ứng dụng                                          |                                           |
|                                        |                                                     | Ngành Điện ảnh-Đạo diễn và Sản xuất phim                        |                                           |
|                                        |                                                     | Ngành Điện ảnh – Nghệ thuật diễn xuất                           |                                           |
| Khoa Thể thao & Giải trí               | Ngành Huấn luyện Thể thao & Phục hồi Sức khỏe       |                                                                 |                                           |
|                                        | Ngành Marketing Thể thao                            |                                                                 |                                           |
|                                        | Khoa học Xã hội và Nhân văn                         | Khoa Hội tụ Toàn cầu<br>(Khoa dành riêng cho sinh viên quốc tế) | Ngành Nghiệp vụ biên phiên dịch Tiếng Hàn |
| Ngành Kinh doanh Văn hóa Hàn Quốc      |                                                     |                                                                 |                                           |
| Ngành kinh doanh toàn cầu              |                                                     |                                                                 |                                           |
| Ngành tích hợp IT-AI Toàn cầu          |                                                     |                                                                 |                                           |
| Ngành Công nghiệp làm đẹp & Thời trang |                                                     |                                                                 |                                           |
| Ngành Du lịch Y tế Quốc tế             |                                                     |                                                                 |                                           |
| Kỹ thuật                               |                                                     |                                                                 |                                           |
| Năng khiếu nghệ thuật và Thể thao      |                                                     |                                                                 |                                           |
| Khoa học Xã hội và Nhân văn            |                                                     |                                                                 |                                           |
| Khoa học Tự nhiên                      |                                                     |                                                                 |                                           |

**b. Ngành và số lượng tuyển sinh dành cho sinh viên chuyển tiếp năm 2**

| Năm học 2026                      |                                                                 |                                               |                |  |
|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|----------------|--|
| Khối                              | Khoa (ngành) và chuyên ngành (đơn vị tuyển sinh)                |                                               | Số lượng       |  |
| Khoa học Xã hội và Nhân văn       | Khoa Ngôn ngữ Văn học và Giáo dục Ngôn ngữ Hàn Quốc             |                                               |                |  |
|                                   | Khoa tiếng Nhật                                                 |                                               |                |  |
|                                   | Khoa Pháp luật Cảnh sát                                         | Ngành cảnh sát học                            |                |  |
|                                   |                                                                 | Ngành luật học                                |                |  |
|                                   | Khoa Hành chính công                                            |                                               |                |  |
|                                   | Khoa tư vấn tâm lý                                              |                                               |                |  |
|                                   | Khoa Quản trị kinh doanh                                        |                                               |                |  |
|                                   | Khoa Quản trị và Thông tin IT                                   |                                               |                |  |
|                                   | Khoa Thương mại quốc tế                                         |                                               |                |  |
|                                   | Khoa Quản trị Du lịch                                           |                                               |                |  |
|                                   | Khoa quản lý hàng không khách sạn                               |                                               |                |  |
|                                   | khoa Dịch vụ Hàng không                                         |                                               |                |  |
|                                   | Khoa Nội dung Truyền thông                                      |                                               |                |  |
| Khoa học Tự nhiên                 | Khoa Thời trang và May mặc                                      |                                               | Không giới hạn |  |
|                                   | Khoa Dinh dưỡng và Thực phẩm                                    |                                               |                |  |
|                                   | Khoa Ẩm thực & Nấu ăn                                           |                                               |                |  |
|                                   | Khoa Lâm vườn & Lâm nghiệp                                      |                                               |                |  |
|                                   | Khoa Phúc lợi & Y tế cộng đồng                                  |                                               |                |  |
| Kỹ thuật                          | Khoa Công nghệ Sinh học                                         |                                               |                |  |
|                                   | Khoa Kỹ thuật Điện và Điện tử                                   |                                               |                |  |
|                                   | Khoa Pin Thông minh                                             |                                               |                |  |
|                                   | Khoa Kỹ thuật Drone và Robot                                    |                                               |                |  |
|                                   | Khoa Kỹ thuật Xây dựng Đường sắt                                |                                               |                |  |
|                                   | Khoa Kỹ thuật Phần mềm                                          | Ngành Kỹ thuật Máy tính                       |                |  |
|                                   |                                                                 | Ngành Khoa học Phần mềm                       |                |  |
|                                   |                                                                 | Ngành An toàn Thông tin                       |                |  |
|                                   |                                                                 | Ngành Kỹ thuật Game                           |                |  |
| Khoa Kiến trúc Nội thất           |                                                                 |                                               |                |  |
| Khoa Kiến trúc Cảnh quan          |                                                                 |                                               |                |  |
| Năng khiếu nghệ thuật và Thể thao | Khoa Phục hồi Chức năng & Phúc lợi Thể thao                     |                                               |                |  |
|                                   | Khoa Nghệ thuật & Webtoon                                       | Ngành Nghệ thuật & Webtoon                    |                |  |
|                                   |                                                                 | Ngành Hoạt hình Game                          |                |  |
|                                   | Khoa Thiết kế                                                   | Ngành Thiết kế Truyền thông                   |                |  |
|                                   |                                                                 | Ngành Thiết kế Công nghiệp                    |                |  |
|                                   | Khoa Quảng cáo, Nhiếp ảnh & Truyền hình                         |                                               |                |  |
|                                   | Khoa Chăm sóc Sắc đẹp                                           |                                               |                |  |
|                                   | Khoa Nghệ thuật Biểu diễn                                       |                                               |                |  |
|                                   | Khoa Thể thao & Giải trí                                        | Ngành Huấn luyện Thể thao & Phục hồi Sức khỏe |                |  |
| Ngành Marketing Thể thao          |                                                                 |                                               |                |  |
| Khoa học Xã hội và Nhân văn       | Khoa Hội tụ Toàn cầu<br>(Khoa dành riêng cho sinh viên quốc tế) | Ngành Nghiệp vụ biên phiên dịch Tiếng Hàn     |                |  |
|                                   |                                                                 | Ngành Kinh doanh Văn hóa Hàn Quốc             |                |  |
|                                   |                                                                 | Ngành Kinh doanh toàn cầu                     |                |  |
| Kỹ thuật                          |                                                                 | Ngành Tích hợp IT-AI Toàn cầu                 |                |  |
| Năng khiếu nghệ thuật và Thể thao |                                                                 | Ngành Công nghiệp làm đẹp & Thời trang        |                |  |
| Khoa học Xã hội và Nhân văn       |                                                                 | Ngành Du lịch Y tế Quốc tế                    |                |  |

c. Ngành và số lượng tuyển sinh dành cho sinh viên chuyển tiếp năm 3

| Năm học 2025                      |                                                                 |                                           |
|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|
| Khởi                              | Khoa (ngành) và chuyên ngành (đơn vị tuyển sinh)                | Số lượng                                  |
| Khoa học Xã hội và Nhân văn       | Khoa Ngôn ngữ Văn học và Giáo dục Ngôn ngữ Hàn Quốc             | Không giới hạn                            |
|                                   | Khoa tiếng Nhật                                                 |                                           |
|                                   | Khoa Pháp luật Cảnh sát                                         |                                           |
|                                   | Ngành cảnh sát học                                              |                                           |
|                                   | Ngành luật học                                                  |                                           |
|                                   | Khoa Hành chính công                                            |                                           |
|                                   | Khoa tư vấn tâm lý                                              |                                           |
|                                   | Khoa Quản trị kinh doanh                                        |                                           |
|                                   | Khoa Quản trị và Thông tin IT                                   |                                           |
|                                   | Khoa Thương mại quốc tế                                         |                                           |
|                                   | Khoa Quản trị Du lịch                                           |                                           |
|                                   | Khoa Quản lý hàng không khách sạn                               |                                           |
|                                   | khoa Dịch vụ Hàng không                                         |                                           |
|                                   | Khoa Nội dung Truyền thông                                      |                                           |
| Khoa học Tự nhiên                 | Khoa Công nghệ Sinh học                                         |                                           |
|                                   | Khoa Dinh dưỡng và Thực phẩm                                    |                                           |
|                                   | Khoa Ẩm thực & Nấu ăn                                           |                                           |
|                                   | Khoa Khoa học Lâm vườn và Lâm nghiệp                            |                                           |
|                                   | Khoa Phúc lợi & Y tế công cộng                                  |                                           |
|                                   | Khoa Thời trang và May mặc                                      |                                           |
| Kỹ thuật                          | Khoa Kỹ thuật Điện và Điện tử                                   |                                           |
|                                   | Khoa Pin Thông minh                                             |                                           |
|                                   | Khoa Kỹ thuật Drone và Robot                                    |                                           |
|                                   | Khoa Kỹ thuật Xây dựng Đường sắt                                |                                           |
|                                   | Ngành Kỹ thuật Máy tính                                         |                                           |
|                                   | Ngành Khoa học Phần mềm                                         |                                           |
|                                   | Ngành An toàn Thông tin                                         |                                           |
|                                   | Ngành Kỹ thuật Game                                             |                                           |
|                                   | Khoa Kiến trúc Nội thất                                         |                                           |
| Năng khiếu nghệ thuật và Thể thao | Khoa Kiến trúc Cảnh quan                                        |                                           |
|                                   | Khoa Nghệ thuật & Webtoon                                       |                                           |
|                                   | Ngành Nghệ thuật & Webtoon                                      |                                           |
|                                   | Ngành Hoạt hình Game                                            |                                           |
|                                   | Khoa Thiết kế                                                   |                                           |
|                                   | Ngành Thiết kế Truyền thông                                     |                                           |
|                                   | Ngành Thiết kế Công nghiệp                                      |                                           |
|                                   | Khoa Quảng cáo, Nhiếp ảnh & Truyền hình                         |                                           |
|                                   | Khoa Chăm sóc Sắc đẹp                                           |                                           |
| Khoa học Xã hội và Nhân văn       | Khoa Nghệ thuật Biểu diễn                                       |                                           |
|                                   | Khoa Thể thao & Giải trí                                        |                                           |
|                                   | Ngành Huấn luyện Thể thao & Phục hồi Sức khỏe                   |                                           |
|                                   | Ngành Marketing Thể thao                                        |                                           |
| Kỹ thuật                          | Khoa Hội tụ Toàn cầu<br>(Khoa dành riêng cho sinh viên quốc tế) | Ngành Nghiệp vụ biên phiên dịch Tiếng Hàn |
|                                   |                                                                 | Ngành Nội dung Văn hóa Hallyu             |
|                                   |                                                                 | Ngành kinh doanh toàn cầu                 |
|                                   |                                                                 | Ngành IT Toàn cầu                         |

d. Ngành và số lượng tuyển sinh dành cho sinh viên chuyển tiếp năm 4

| Năm học 2024                         |                                                                 |                                               |                |
|--------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|----------------|
| Khối                                 | Khoa (ngành) và chuyên ngành (đơn vị tuyển sinh)                |                                               | Số lượng       |
| Khoa học Xã hội và Nhân văn          | Khoa Ngôn ngữ Văn học và Giáo dục Ngôn ngữ Hàn Quốc             |                                               | Không giới hạn |
|                                      | Khoa tiếng Nhật                                                 |                                               |                |
|                                      | Khoa Pháp luật Cảnh sát                                         |                                               |                |
|                                      | Khoa Hành chính công                                            |                                               |                |
|                                      | Khoa tư vấn tâm lý                                              |                                               |                |
|                                      | Khoa Quản trị kinh doanh                                        |                                               |                |
|                                      | Khoa Quản trị và Thông tin IT                                   |                                               |                |
|                                      | Khoa Thương mại quốc tế                                         |                                               |                |
|                                      | Khoa Quản trị Du lịch                                           |                                               |                |
|                                      | Khoa quản lý hàng không khách sạn                               |                                               |                |
|                                      | khoa Dịch vụ Hàng không                                         |                                               |                |
|                                      | Khoa Nội dung Truyền thông                                      |                                               |                |
|                                      | Khoa học Tự nhiên                                               | Khoa Công nghệ Sinh học                       |                |
| Khoa Dinh dưỡng và Thực phẩm         |                                                                 |                                               |                |
| Khoa Ẩm thực & Nấu ăn                |                                                                 |                                               |                |
| Khoa Khoa học Lâm vườn và Lâm nghiệp |                                                                 |                                               |                |
| Khoa Phúc lợi & Y tế cộng đồng       |                                                                 |                                               |                |
| Khoa Thời trang và May mặc           |                                                                 |                                               |                |
| Kỹ thuật                             | Khoa Kỹ thuật Điện và Điện tử                                   |                                               |                |
|                                      | Khoa Pin Thông minh                                             |                                               |                |
|                                      | Khoa Kỹ thuật Drone và Robot                                    |                                               |                |
|                                      | Khoa Kỹ thuật Xây dựng Đường sắt                                |                                               |                |
|                                      | Khoa Kỹ thuật Phần mềm                                          | Ngành Kỹ thuật Máy tính                       |                |
|                                      |                                                                 | Ngành Khoa học Phần mềm                       |                |
|                                      |                                                                 | Ngành An toàn Thông tin                       |                |
|                                      |                                                                 | Ngành Kỹ thuật Game                           |                |
|                                      | Khoa Kiến trúc Nội thất                                         |                                               |                |
| Khoa Kiến trúc Cảnh quan             |                                                                 |                                               |                |
| Năng khiếu nghệ thuật và Thể thao    | Khoa Nghệ thuật & Webtoon                                       | Ngành Nghệ thuật & Webtoon                    |                |
|                                      |                                                                 | Ngành Hoạt hình Game                          |                |
|                                      | Khoa Thiết kế                                                   | Ngành Thiết kế Truyền thông                   |                |
|                                      |                                                                 | Ngành Thiết kế Công nghiệp                    |                |
|                                      | Khoa Quảng cáo, Nhiếp ảnh & Truyền hình                         |                                               |                |
|                                      | Khoa Chăm sóc Sắc đẹp                                           |                                               |                |
|                                      | Khoa Nghệ thuật Biểu diễn                                       |                                               |                |
|                                      | Khoa Thể thao & Giải trí                                        | Ngành Huấn luyện Thể thao & Phục hồi Sức khỏe |                |
|                                      |                                                                 | Ngành Marketing Thể thao                      |                |
| Khoa học Xã hội và Nhân văn          | Khoa Hội tụ Toàn cầu<br>(Khoa dành riêng cho sinh viên quốc tế) | Ngành Nghiệp vụ biên phiên dịch Tiếng Hàn     |                |
|                                      |                                                                 | Ngành Nội dung Văn hóa Hallyu                 |                |

### 3. Điều kiện ứng tuyển và các giấy tờ cần thiết

#### a. Điều kiện ứng tuyển

| Mục                                                     |                 | Điều kiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Chú ý                   |
|---------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| Sinh viên học bổng chính phủ                            |                 | 1. Những người đã được chọn là học sinh nhận học bổng do chính phủ tài trợ có cha, mẹ và bản thân đều là người nước ngoài (người nước ngoài thuần túy), đã tốt nghiệp (hoặc dự kiến) tốt nghiệp trung học ở Hàn Quốc hoặc nước ngoài, đã hoàn thành khóa đào tạo tiếng Hàn khóa học tại Hàn Quốc và đã vượt qua bài kiểm tra năng lực tiếng Hàn (TOPIK) cấp 3                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 0                       |
| Sinh viên người nước ngoài có bố mẹ là người nước ngoài | Nhập học mới    | <p>1. Ứng viên có bố, mẹ và bản thân đều là người nước ngoài (thuần túy là người nước ngoài), đã tốt nghiệp (dự kiến tốt nghiệp) cấp trung học phổ thông, và đạt TOPIK cấp 3 trở lên kỳ thi năng lực tiếng hàn hoặc đạt cấp 3 kỳ thi năng lực tiếng hàn Pai Chai (P-MOPIK) do Viện hàn ngữ của trường thực hiện</p> <p>(Tuy nhiên, đối với khoa học tự nhiên, kỹ thuật, nghệ thuật và giáo dục thể chất, có thể đăng ký TOPIK cấp 2 trở lên và phải hoàn thành hơn 300 giờ đào tạo tiếng Hàn trong một năm sau khi nhập học)</p> <p>2. Ứng viên đạt 61 điểm trở lên ở kì thi đánh giá đầu vào của chương trình Hội nhập xã Hội (KIIP) của Bộ Tư pháp</p> <p>* Đối với khoa Hội tụ toàn cầu (chuyên ngành Kinh doanh toàn cầu, IT toàn cầu), sinh viên nhập học theo hệ tiếng Anh (Hệ chuyên ngành với hơn 50% tín chỉ tốt nghiệp bằng tiếng Anh) yêu cầu TOEFL 530, IBT 71, IELTS 5.5, CEFRB2 trở lên.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Không giới hạn số lượng |
|                                                         | Học chuyển tiếp | <p>1. Ứng viên có bố, mẹ và bản thân đều là người nước ngoài (thuần túy là người nước ngoài), đã tốt nghiệp (dự kiến tốt nghiệp) cấp trung học phổ thông, và đạt TOPIK cấp 3 trở lên kì thi năng lực tiếng hàn hoặc đạt cấp 3 kỳ thi năng lực tiếng hàn Pai Chai (P-MOPIK) do Viện hàn ngữ của trường thực hiện</p> <p>(Tuy nhiên, đối với khoa học tự nhiên, kỹ thuật, nghệ thuật và giáo dục thể chất, có thể đăng ký TOPIK cấp 2 trở lên và phải hoàn thành hơn 300 giờ đào tạo tiếng Hàn trong một năm sau khi nhập học)</p> <p>2. Ứng viên đạt 61 điểm trở lên ở kì thi đánh giá đầu vào của chương trình Hội nhập xã Hội (KIIP) của Bộ Tư pháp</p> <p>a. Chuyển tiếp vào năm 2</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Đã hoàn thành ít nhất năm nhất (2 học kỳ) tại trường đại học hệ 4 năm và đã tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định.</li> <li>– Đã tốt nghiệp (hoặc dự kiến tốt nghiệp) trường cao đẳng hệ 2 hoặc 3 năm và đã tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định.</li> </ul> <p>b. Chuyển tiếp vào năm 3</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Đã hoàn thành ít nhất năm 2 (4 học kỳ) tại trường đại học hệ 4 năm và đã tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định.</li> <li>– Đã tốt nghiệp (hoặc dự kiến tốt nghiệp) trường cao đẳng hệ 2 hoặc 3 năm và đã tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định, hoặc thuộc đối tượng đã tốt nghiệp (hoặc dự kiến tốt nghiệp).</li> </ul> <p>c. Chuyển tiếp vào năm 4</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Đã tốt nghiệp (hoặc dự kiến tốt nghiệp) trường cao đẳng hệ 3 năm và đã tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định.</li> </ul> <p>※ Đối với tuyển sinh chuyển tiếp vào năm 4, chỉ được đăng ký vào cùng ngành đã học.</p> |                         |

## b. Hồ sơ cần nộp

| STT | Tên giấy tờ                                                                                                                                                                                                                                                    | Số lượng | Sinh viên học bổng chính phủ | Sinh viên nước ngoài |             | Lưu ý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|------------------------------|----------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                                                                                                                                                                                                                |          | Nhập học mới                 | Nhập học mới         | Chuyển tiếp |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 1   | Đơn xin nhập học theo mẫu quy định của nhà trường                                                                                                                                                                                                              | 1부       | ●                            | ●                    | ●           | Đăng ký Uway                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 2   | Giấy đồng ý xác nhận học vấn theo mẫu quy định của nhà trường                                                                                                                                                                                                  | 1부       |                              |                      | ●           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 3   | Bằng tốt nghiệp THPT (công chứng xác nhận Apostille hoặc xác nhận lãnh sự quán)                                                                                                                                                                                | 1부       | ●                            | ●                    |             | Lưu ý: Hồ sơ nộp khi nhập học sẽ không được trả lại.<br>Làm 2 Bằng tốt nghiệp cao nhất để nộp 2 nơi<br>+ 1 bản nộp trường khi nhập học<br>+ 1 bản nộp cục khi xin visa D2<br><br>Đối với thí sinh có hồ sơ học tập được cấp tại Trung Quốc, giấy tờ xác nhận học lực do Bộ Giáo dục Trung Quốc cấp có thể được sử dụng thay thế cho giấy chứng nhận Apostille hoặc giấy xác nhận lãnh sự. |
| 4   | Bảng điểm THPT (công chứng xác nhận Apostille hoặc xác nhận lãnh sự quán)                                                                                                                                                                                      | 1부       | ●                            | ●                    |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 5   | Giấy chứng nhận hoàn thành đại học trước đây, giấy chứng nhận tốt nghiệp (dự kiến) (công chứng xác nhận Apostille hoặc xác nhận lãnh sự quán)                                                                                                                  | 1부       |                              |                      | ●           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 6   | Bảng điểm đại học trước đây (công chứng xác nhận Apostille hoặc xác nhận lãnh sự quán)                                                                                                                                                                         | 1부       |                              |                      | ●           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 7   | Sổ hộ khẩu hoặc giấy CT07, Giấy khai sinh (giấy tờ xác nhận mối quan hệ gia đình) (công chứng)                                                                                                                                                                 | 1부       | ●                            | ●                    | ●           | Bố mẹ tất cả đều phải là người nước ngoài. Thông tin của bố mẹ phải được liệt kê rõ ràng trong giấy. Nếu có người giám hộ khác, học sinh nộp giấy tờ chứng nhận mối quan hệ                                                                                                                                                                                                               |
| 8   | Chứng minh thư/Thẻ căn cước người nước ngoài của bố mẹ và người ứng tuyển (Bản sao)                                                                                                                                                                            | 1부       | ○                            | ○                    | ○           | Chỉ dành cho người nước ngoài cư trú tại Hàn Quốc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 9   | – Giấy chứng nhận kỳ thi năng lực tiếng Hàn (TOPIK cấp 3 trở lên)<br>– Giấy chứng nhận đạt cấp 3 trở lên kỳ thi năng lực tiếng Hàn Paj Chai do viện Hàn ngữ của trường tổ chức (P-MOPIK)<br>– Chương trình hội nhập xã hội KIIP Thi đầu vào trên 61 điểm(사전평가) | 1부       | ●                            | ●                    | ●           | Khối Khoa học Tự nhiên, Kỹ thuật và Nghệ thuật và Thể thao: Có thể đăng ký với TOPIK cấp 2 trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 10  | Giấy chứng nhận sinh viên học bổng do chính phủ mời                                                                                                                                                                                                            | 1부       | ●                            |                      |             | sinh viên học bổng chính phủ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 11  | Bản sao hộ chiếu                                                                                                                                                                                                                                               | 1부       | ●                            | ●                    | ●           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 12  | Giấy xác nhận số dư chứng minh tài chính<br>※ Trên 16 triệu won (đứng tên cá nhân hoặc cha mẹ)<br>(Còn hạn trên 1 tháng kể từ ngày nộp hồ sơ)                                                                                                                  | 1부       |                              | ●                    | ●           | * Học sinh đang học hoặc đã hoàn thành hệ tiếng và học sinh trao đổi tại viện Hàn ngữ của trường có thể thay thế bằng giấy chứng nhận đang học hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa học tại trường khi nộp hồ sơ đại học<br>* Khi đổi visa: dù là với học sinh đang học khóa tiếng ở trường, cũng phải nộp giấy xác nhận số dư theo yêu cầu riêng khi gia hạn visa                        |

※ Dấu ● là tài liệu bắt buộc và dấu ○ là tài liệu chỉ được gửi bởi người có liên quan.

※ Các giấy tờ bằng tiếng nước ngoài không phải tiếng Hàn và tiếng Anh phải được nộp kèm theo bản dịch tiếng Hàn gốc có công chứng.

※ Theo quy định, phải nộp các tài liệu gốc. Nếu không thể tránh khỏi việc nộp bản sao, hãy mang theo bản gốc và phải nhận được sự kiểm tra từ người phụ trách tuyển sinh

## 4. Phương pháp sàng lọc và tuyển chọn (dành cho sinh viên mới và chuyển tiếp)

### a. Phương pháp sàng lọc

1) Việc xét tuyển đặc biệt dành cho người nước ngoài, cả học sinh và phụ huynh được mời tham dự chính phủ, được xét tuyển chỉ qua xét tuyển hồ sơ.

2) Chuyên ngành Art & Webtoon và chuyên ngành thiết kế chuyển tiếp chỉ được đăng ký cùng một hệ thống

### b. Phương pháp tuyển sinh

1) Đối với diện tuyển sinh đặc biệt dành cho Học bổng Chính phủ và thí sinh có cả cha và mẹ đều là người nước ngoài, về nguyên tắc, thí sinh sẽ được xét tuyển trúng tuyển nếu không có vấn đề về điều kiện dự tuyển và hồ sơ giấy tờ cần nộp

2) Trường hợp tại quốc gia của thí sinh không thể cấp hoặc không thể nộp một số giấy tờ theo yêu cầu, nhà trường sẽ xem xét chấp nhận nếu thí sinh nộp văn bản giải trình lý do không thể cung cấp các giấy tờ đó

## 5. Lệ phí đăng ký và chú ý

### a. Lệ phí đăng ký

| Hình thức                    | Lệ phí   | Phí      | Tổng     |
|------------------------------|----------|----------|----------|
| Sinh viên học bổng chính phủ | Miễn phí | Miễn phí | Miễn phí |
| Sinh viên nước ngoài         | 50,000원  | 5,000원   | 55,000원  |

### b. Chú ý

1) Trong trường hợp không thể thông báo các thông tin do ghi sai số liên lạc (địa chỉ và số điện thoại) trên đơn hoặc do ngắt liên lạc thì không thể đưa ra ý kiến phản đối vì bất kỳ lý do nào sau này

2) Lịch tuyển sinh có thể thay đổi tùy theo tình hình của trường, vì vậy vui lòng kiểm tra thông báo của bộ phận nhập học

3) Người trúng tuyển phải nộp học phí trong thời hạn đăng ký quy định, nếu không hoàn thành học phí trong thời hạn thì coi như đã từ bỏ nhập học.

4) Hồ sơ nộp bản cứng phải đến trường trước thời hạn nộp, không tiếp nhận hồ sơ đến sau thời hạn nộp

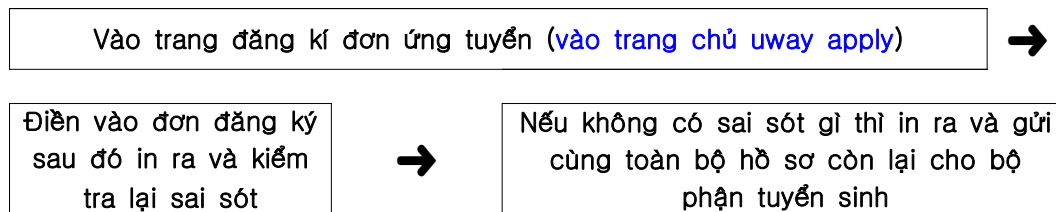
5) Trường hợp nhập học bằng hệ tiếng Anh ngành kinh doanh toàn cầu, ngành IT toàn cầu của Khoa hội tụ tự do toàn cầu nếu có ít hơn 10 thí sinh trúng tuyển thì môn học đó có thể bị đóng cửa

6) Khoa tuyển sinh sẽ được ấn định cuối cùng trước khi bắt đầu học kỳ và có thể thay đổi việc có tuyển sinh hay không cũng như tên khoa

7) Vui lòng liên hệ với bộ phận tuyển sinh của trường theo số liên lạc bên dưới

Đảm nhận chính (042-520-5883), Tiếng nước ngoài: Tiếng anh (042-520-5243), Tiếng Trung(042-520-5884, Tiếng Việt (042-520-5846), Tiếng Nhật (042-520-5843)

### c. Cách điền đơn nhập học



【Mẫu điền đơn đăng kí nhập học UWAY】

2027학년도 배재대학교 부모 모두 외국인인  
외국인 특별전형 신입학 입학원서

|          |   |
|----------|---|
| 수험<br>번호 | * |
|----------|---|

|                                                                                                          |                                                      |                                                                                                |                                          |              |                   |                 |   |                                                                                                                                                          |    |  |  |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|--------------|-------------------|-----------------|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|--|--|
| 전형유형<br>(해당란에 ✓)                                                                                         |                                                      | <input checked="" type="checkbox"/> 부모 모두 외국인인 외국인 <input checked="" type="checkbox"/> 정부초청장학생 |                                          |              |                   |                 |   |                                                                                                                                                          |    |  |  |
| 지<br>원<br>자                                                                                              | 성 명                                                  | (한글) 배재인                                                                                       |                                          |              | (영문) Pai Chai In  |                 |   |                                                                                                                                                          |    |  |  |
|                                                                                                          | 국 적                                                  | 본인                                                                                             | 중국                                       |              | 부                 | 중국              |   | 모                                                                                                                                                        | 중국 |  |  |
|                                                                                                          | 성 별                                                  | 남                                                                                              |                                          |              | 생년월일              | 1990년 12월 25일   |   |                                                                                                                                                          |    |  |  |
|                                                                                                          | 여권번호                                                 | G1000                                                                                          |                                          |              | 외국인<br>등록증번호      | 901225-50000000 |   |                                                                                                                                                          |    |  |  |
|                                                                                                          | 최종학력                                                 | 학교명                                                                                            | 방정현학교                                    |              |                   |                 |   |                                                                                                                                                          |    |  |  |
|                                                                                                          |                                                      | 과정구분                                                                                           | 고등학교 <input checked="" type="checkbox"/> |              |                   |                 |   |                                                                                                                                                          |    |  |  |
| 졸업구분                                                                                                     |                                                      | ( 3 )학년 수료 <input type="checkbox"/> 졸업 <input checked="" type="checkbox"/>                     |                                          |              |                   |                 |   |                                                                                                                                                          |    |  |  |
| 모집단위                                                                                                     |                                                      | 경영학과                                                                                           |                                          | 모집단위<br>코드번호 | 7                 | 2               | 4 | 전공                                                                                                                                                       |    |  |  |
|                                                                                                          |                                                      |                                                                                                |                                          |              |                   |                 |   | 약기                                                                                                                                                       |    |  |  |
| 수학기간                                                                                                     |                                                      | 학력사항                                                                                           |                                          | 재학학년         | 한국 학교에<br>해당하는 과정 |                 |   | 외국학교 소재지                                                                                                                                                 |    |  |  |
| 1998. 3. ~ 2003. 2.                                                                                      |                                                      | 방정현초등학교                                                                                        |                                          | 6            | 초등학교              |                 |   | 중국 흑룡강성                                                                                                                                                  |    |  |  |
| 2003. 3. ~ 2006. 2.                                                                                      |                                                      | 방정현중학교                                                                                         |                                          | 3            | 중학교               |                 |   | 중국 흑룡강성                                                                                                                                                  |    |  |  |
| 2006. 3. ~ 2009. 2.                                                                                      |                                                      | 방정현고등학교                                                                                        |                                          | 3            | 고등학교              |                 |   | 중국 흑룡강성                                                                                                                                                  |    |  |  |
|                                                                                                          |                                                      | 학교                                                                                             |                                          |              |                   |                 |   |                                                                                                                                                          |    |  |  |
| 연 락 처                                                                                                    | 주 소                                                  | 국내 : 배재고등학교 PAITEL 00호 00실                                                                     |                                          |              |                   |                 |   |                                                                                                                                                          |    |  |  |
|                                                                                                          |                                                      | 본국 : 중국 흑룡강성 하얼빈시 방정현건설로 15-5                                                                  |                                          |              |                   |                 |   |                                                                                                                                                          |    |  |  |
|                                                                                                          | E-mail                                               | paichaiin@pcu.ac.kr                                                                            |                                          |              |                   |                 |   |                                                                                                                                                          |    |  |  |
|                                                                                                          | 비상연락처(본인) : 이름( 배재인 ) 전화번호( 000-0000-0000 )          |                                                                                                |                                          |              |                   |                 |   |                                                                                                                                                          |    |  |  |
|                                                                                                          | 비상연락처(국내) : 이름( 배재우 ) 전화번호( 000-0000-0000 ) 관계( 친구 ) |                                                                                                |                                          |              |                   |                 |   |                                                                                                                                                          |    |  |  |
|                                                                                                          | 비상연락처(본국) : 이름( 배재부 ) 전화번호( 00-0000000000 ) 관계( 부 )  |                                                                                                |                                          |              |                   |                 |   |                                                                                                                                                          |    |  |  |
| 본인은 배재대학교에 신입학하고자 소정의 서류를<br>갖추어 지원합니다.<br><br>년 월 일<br><br>지원자 성명 : 배 재 인 (서명 또는 날인)<br><br>배재대학교 총장 귀하 |                                                      |                                                                                                |                                          |              |                   |                 |   | <div style="border: 1px solid black; width: 100px; height: 100px; margin: 0 auto; text-align: center; line-height: 100px;">           유웨이         </div> |    |  |  |

※ Phải điền bằng tiếng Hàn; không điền vào các mục có ký hiệu \*

【Mẫu điền đơn đăng kí chuyển tiếp】

2027학년도 배재대학교 부모 모두 외국인인  
외국인 특별전형 편입학 입학원서

|          |   |
|----------|---|
| 수험<br>번호 | * |
|----------|---|

|                                                                                                                                 |                                                                                                                                  |                                                                            |                                                                                        |              |                   |                 |   |                                                                                               |             |  |  |  |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------------|-----------------|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--|--|--|
| 전형유형<br>(해당란에 ✓)                                                                                                                | <input checked="" type="checkbox"/> 부모 모두 외국인인 외국인                                                                               |                                                                            |                                                                                        |              |                   |                 |   |                                                                                               |             |  |  |  |
| 전형구분<br>(해당란에 ✓)                                                                                                                | 2학년 편입 <input checked="" type="checkbox"/> 3학년 편입 <input checked="" type="checkbox"/> 4학년 편입 <input checked="" type="checkbox"/> |                                                                            |                                                                                        |              |                   |                 |   |                                                                                               |             |  |  |  |
| 지<br>원<br>자                                                                                                                     | 성 명                                                                                                                              | (한글) 배재인                                                                   |                                                                                        |              | (영문) Pai Chai In  |                 |   |                                                                                               | 사진<br>(4×5) |  |  |  |
|                                                                                                                                 | 국 적                                                                                                                              | 본인                                                                         | 중국                                                                                     |              | 부                 | 중국              | 모 | 중국                                                                                            |             |  |  |  |
|                                                                                                                                 | 성 별                                                                                                                              | 여                                                                          |                                                                                        |              | 생년월일              | 1990년 12월 25일   |   |                                                                                               |             |  |  |  |
|                                                                                                                                 | 여권번호                                                                                                                             | G1000                                                                      |                                                                                        |              | 외국인<br>등록증<br>번호  | 901225-60000000 |   |                                                                                               |             |  |  |  |
|                                                                                                                                 | 최종학력                                                                                                                             | 학교명                                                                        | 하얼빈검교학원                                                                                |              |                   |                 |   |                                                                                               |             |  |  |  |
|                                                                                                                                 |                                                                                                                                  | 과정구분                                                                       | 무역 학과<br>2,3년제 대학 <input checked="" type="checkbox"/> 4년제 대학교 <input type="checkbox"/> |              |                   |                 |   |                                                                                               |             |  |  |  |
| 졸업구분                                                                                                                            |                                                                                                                                  | ( 2 )학년 수료 <input checked="" type="checkbox"/> 졸업 <input type="checkbox"/> |                                                                                        |              |                   |                 |   |                                                                                               |             |  |  |  |
| 모집단위                                                                                                                            | 무역학과                                                                                                                             |                                                                            |                                                                                        | 모집단위<br>코드번호 | 8                 | 2               | 4 | 전공<br>악기                                                                                      |             |  |  |  |
| 수학기간                                                                                                                            | 학력사항                                                                                                                             |                                                                            |                                                                                        | 재학학년         | 한국 학교에<br>해당하는 과정 |                 |   | 외국학교<br>소재지                                                                                   |             |  |  |  |
| 2009. 3. ~ 2012. 2.                                                                                                             | 하얼빈검교학원                                                                                                                          |                                                                            |                                                                                        | 3            | 3년제 대학교           |                 |   | 중국 흑룡강성                                                                                       |             |  |  |  |
| 연 락 처                                                                                                                           | 주 소                                                                                                                              | 국내 : 배재대학교 PAITEL 00호 00실                                                  |                                                                                        |              |                   |                 |   |                                                                                               |             |  |  |  |
|                                                                                                                                 |                                                                                                                                  | 본국 : 중국 흑룡강성 하얼빈시 장양로 1389                                                 |                                                                                        |              |                   |                 |   |                                                                                               |             |  |  |  |
|                                                                                                                                 | E-mail                                                                                                                           | paichaiin@pcu.ac.kr                                                        |                                                                                        |              |                   |                 |   |                                                                                               |             |  |  |  |
|                                                                                                                                 | 비상연락처(국내) : 이름( 배재인 ) 전화번호( 000-0000-0000 )                                                                                      |                                                                            |                                                                                        |              |                   |                 |   |                                                                                               |             |  |  |  |
|                                                                                                                                 | 비상연락처(국내) : 이름( 배재우 ) 전화번호( 000-0000-0000 ) 관계( 친구 )                                                                             |                                                                            |                                                                                        |              |                   |                 |   |                                                                                               |             |  |  |  |
|                                                                                                                                 | 비상연락처(본국) : 이름( 배재부 ) 전화번호( 00-0000000000 ) 관계( 부 )                                                                              |                                                                            |                                                                                        |              |                   |                 |   |                                                                                               |             |  |  |  |
| 본인은 배재대학교에 편입학하고자 소정의 서류를<br>갖추어 지원합니다.<br><br><div style="text-align: right;">년    월    일</div> 지원자 성명 : 배 재 인      (서명 또는 날인) |                                                                                                                                  |                                                                            |                                                                                        |              |                   |                 |   | <div style="border: 1px solid black; width: 150px; height: 150px; margin: 0 auto;"></div> 유웨이 |             |  |  |  |
| 배재대학교 총장      귀하                                                                                                                |                                                                                                                                  |                                                                            |                                                                                        |              |                   |                 |   |                                                                                               |             |  |  |  |

※ Phải điền bằng tiếng Hàn; không điền vào các mục có ký hiệu \*  
【Mẫu giấy chấp thuận học chuyển tiếp】



\*(해외학교공식명칭 : 영문 또는 재학국언어)

School Name : ex) (tại đây ghi tên trường đại học đã học) VIET NAM UNIVERSITY

\*(해외학교공식주소 : 영문 또는 재학국언어)

Address : ex) (tại đây ghi địa chỉ của trường đã học) VIET NAM- HA NOI- THANH XUAN-....

Subject : Transfer Student Information

To Whom it may concern :

\*(해외학교에 등록된 본인이름)

We are pleased to have the following individual, ex) (tên học sinh) Kim Jong Hoon, transferred from your school, to study here at Pai Chai University. Your answers to the following questions are appreciated and will be held confidentially. For your reference, the student's Letter of Agreement is below.

If possible, a response from your office by fax will greatly help to expedite our processing of this individual's application. Thank you for cooperation.

Sincerely yours,  
Wook Kim, PH. D.  
President Pai Chai University

## LETTER OF AGREEMENT

To whom it may concern :

I have applied to Pai Chai University in Daejeon, Korea for the 2025 academic year. In this regard, I would like to request your full assistance to Pai Chai University when they contact you regarding verification of enrollment and transcripts.

| Written by applicant<br>(지원자기록)                                                                                                                                                                           | Verified by previously attended school<br>(해외 학교 담당자 기록)                                                 |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Is the credit that you acquired in university or college authorized by the Ministry of Education or an equivalent government agency?<br>(해당국가 교육부가 인정하는 대학 또는 귀교에서 취득한 학점이 교육부나 이에 상응하는 정부기관에서 인정을 받으니까?) | <input type="checkbox"/> Yes <input type="checkbox"/> No                                                 |
| Is it a 4 year degree program or 2~3 year diploma program? (몇 년제 대학입니까?)                                                                                                                                  | <input type="checkbox"/> four year <input type="checkbox"/> three year <input type="checkbox"/> two year |
| Date of birth :<br>_____                                                                                                                                                                                  | <input type="checkbox"/> Correct <input type="checkbox"/> Incorrect                                      |
| Date of admission(transfer from previous school):<br>_____                                                                                                                                                | <input type="checkbox"/> Correct <input type="checkbox"/> Incorrect                                      |
| Date of graduation(transfer from previous school):<br>_____                                                                                                                                               | <input type="checkbox"/> Correct <input type="checkbox"/> Incorrect                                      |
| Name and Signature :<br>_____<br>Date :<br>_____ - _____                                                                                                                                                  | Additional comments :<br>_____<br>Printed Name and Signature :<br>_____                                  |